**KHÓ KHĂN CỦA GIÁO SINH NGÀNH SƯ PHẠM TIẾNG PHÁP**

**TRONG QUÁ TRÌNH THỰC TẬP SƯ PHẠM**

*PHẠM THỊ TUYẾT NHUNG*

*Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế*

**Tóm tắt:** Thực tập sư phạm là hoạt động thực hành của giáo sinh tại các trường phổ thông sau phần học lý thuyết về nghề sư phạm nhằm mục đích củng cố và nâng cao nhận thức và lòng yêu nghề dạy học, áp dụng các kiến thức vào thực tiễn, rèn luyện kỹ năng dạy học, công tác chủ nhiệm. Nghiên cứu này khảo sát các khó khăn mà giáo sinh ngành sư phạm tiếng Pháp trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế gặp phải trong quá trình thực hiện hoạt động thực tập tại các trường phổ thông. Kết quả khảo sát thông qua bảng hỏi và phỏng vấn sâu đã chỉ ra các hạn chế, trở ngại của giáo sinh khi thực hành công tác giảng dạy và chủ nhiệm. Dựa trên kết quả nghiên cứu, bài báo đưa ra các đề xuất để hỗ trợ giáo sinh triển khai hoạt động thực tập sư phạm hiệu quả hơn.

**Từ khóa**: thực tập sư phạm, tiếng Pháp, giáo sinh, công tác chủ nhiệm.

**1. Đặt vấn đề**

Thực tập sư phạm (TTSP) là hoạt động giáo dục đặc thù của các cơ sở đào tạo ngành sư phạm nhằm thông qua hoạt động giảng dạy và quản lý lớp thực tế ở các trường phổ thông giúp cho các giáo sinh hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cần thiết của nhà giáo theo mục tiêu đào tạo đã đề ra. Giai đoạnTTSP là hoạt động thực tiễn của giáo sinh tại các trường phổ thông sau phần học lý thuyết về nghề sư phạm nhằm củng cố và nâng cao nhận thức và lòng yêu nghề dạy học, áp dụng các kiến thức vào thực tiễn, rèn luyện kỹ năng dạy học và công tác chủ nhiệm. Mục tiêu của hoạt động thực hành sư phạm này chính là “tạo điều kiện cho sinh viên sư phạm sớm tiếp xúc với thực tế giáo dục, có cách nhìn tổng quát về hoạt động của nhà trường, về các mối quan hệ giữa gia đình, nhà trường và xã hội, về nhiệm vụ của giáo viên và những yêu cầu cần phải phấn đấu để trở thành giáo viên có năng lực và phẩm chất tốt”, cụ thể hơn, đó là “tạo điều kiện cho sinh viên sư phạm sớm được luyện tập các kỹ năng sư phạm, làm quen với nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, giáo dục trong và ngoài lớp, một số kỹ thuật dạy học đặc trưng của mỗi môn học, bậc học, ngành học” (QĐ số 36/2003/QĐ-BGDĐT- Bộ GDĐT).

 Các nghiên cứu về thực tập sư phạm (Pelpel, 2001; Escourrou, 2008; Christine, 2001) cho thấy hoạt động thực tập đóng vai trò rất lớn trọng quá trình đào tạo nghề, giúp người học đúc kết nhiều kinh nghiệm nghề nghiệp mà các học phần lý thuyết trong môi trường đào tạo tại các trường đại học không thay thế được. Đây chính là một giai đoạn cực kỳ quan trọng trong việc học nghề của các thực tập sinh (Pelpel, 2001). Cùng quan điểm này, Nicole Escourrou coi hoạt động này là “mối liên kết cần được ưu tiên giữa quá trình đào tạo và nghề nghiệp sau này của người học.Thực tập nghề đem lại những kinh nghiệm cho người học thông qua việc đặt mình vào tình huống thật và góp phần vào việc chuyên nghiệp hóa của mỗi thực tập sinh” (Nicole, 2008). Hoạt động này không chỉ đem lại cho giáo sinh cơ hội được làm quen với thực hành chuyên môn mà còn tạo điều kiện để năng lực của các em được phát huy và giúp các em hội nhập vào thị trường lao động dễ dàng hơn (Léonard, 2001). Nói cách khác nếu được triển khai tốt thì thực tập sư phạm giúp các giáo viên tương lai chuẩn bị cả về mặt kinh nghiệm, kiến thức nghề nghiệp lẫn tinh thần vững vàng để sẵn sàng hơn cho công tác giảng dạy chính thức sau này.

Đối với các trường sư phạm và các khoa đào tạo chuyên ngành sư phạm, hoạt động thực hành này thường được tiến hành ở các cơ sở thực tập sư phạm và qua hai giai đoạn: Kiến tập sư phạm (KTSP) (chủ yếu ở mức độ tìm hiểu và làm quen hoạt động dạy học ở trường PT và TTSP (thực hành giảng dạy và công tác chủ nhiệm). Trong những năm trước đây, trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế đã tổ chức thực hiện 2 nội dung trên trong hai giai đoạn tách rời cho khối sinh viên chuyên ngữ ngành sư phạm nói chung và sinh viên ngành sư phạm của khoa Tiếng Pháp nói riêng. Tuy nhiên, kể từ khi nhà trường áp dụng hình thức đào tạo tín chỉ (năm 2008) thì hai nội dung này được tổng hợp được gộp chung thành một học phần thực hiện trong 1 giai đoạn gọi chung là TTSP. Từ đó đến nay, giáo sinh Khoa Tiếng Pháp thực hiện học phần này chỉ tại các trường trung học phổ thôngtrên địa bàn thành phố Huế do số lượng hạn chế của sinh viên chọn chuyên ngành này. Bên cạnh những kết quả đáng khích lệ gặt hái được thì các giáo sinh vẫn gặp không ít khó khăn trong quá trình thực hành sư phạm. Cho đến nay, việc tìm hiểu những khó khăn này vẫn còn là vấn đề chưa được nghiên cứu một cách cụ thể. Vì thế, nghiên cứu này được thực hiện với mong muốn tìm hiểu những khó khăn cơ bản mà giáo sinh ngành sư phạm Tiếng Pháp thường gặp phải trong quá trình thực tập sư phạm cũng như những nguyên nhân của các khó khăn này.

Nghiên cứu nhằm trả lời các câu hỏi sau:

1. Các giáo sinh ngành sư phạm tiếng Pháp thường gặp những khó khăn nào trong quá trình thực tập sư phạm tại các trường phổ thông?

2. Nguyên nhân của những khó khăn đó là gì?

Dựa vào kết quả nghiên cứu chúng tôi đề xuất một số giải pháp cụ thể nhằm khắc phục những khó khăn này và nâng cao hiệu quả công tác chuẩn bị cho giáo sinh thực hiện thực tập sư phạm.

**2. Phương pháp và khách thể nghiên cứu**

**Phương pháp nghiên cứu**

Nghiên cứu này kết hợp cả phương pháp định lượng và định tính để thu số liệu nhằm trả lời hai câu hỏi nghiên cứu đã đặt ra. Phương pháp định lượng được lựa chọn là khảo sát thông qua bảng hỏi. Bảng hỏi được xây dựng với 5 câu hỏi lớn, chia ra làm 5 phần chính (gồm phần thông tin cá nhân, phần khó khăn trong công tác chủ nhiệm và công tác giảng dạy, phần nguyên nhân và phần đề xuất), tập trung khai thác các khó khăn mà giáo sinh ngành sư phạm tiếng Pháp gặp phải cũng như nguyên nhân của các khó khăn đó theo lý giải của chính giáo sinh. Các câu hỏi được xây dựng có phần mở ở các nội dung phù hợp để khách thể có thể tự điền vào trong trường hợp các gợi ý đưa ra không phù hợp với khách thể. Phương pháp định tính được lựa chọn là phỏng vấn sâu để làm rõ một số nội dung khách thể đã nêu hoặc lựa chọn trong bảng hỏi.

**Khách thể nghiên cứu**

Do số lượng sinh viên chọn chuyên ngành Sư phạm theo từng năm khá ít, nghiên cứu đã tiến hành điều tra chọn ngẫu nhiên 23 cựu sinh viên, gồm 8 sinh viên của lớp sư phạm K4, 8 sinh viên của sư phạm K8 và 7 sinh viên của lớp sư phạm K9 là các cựu giáo sinh thuộc ngành sư phạm tiếng Pháp của Khoa tiếng Pháp trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế đã trải qua quá trình thực tập sư phạm tại các trường phổ thông. Vì vậy bản chất của số liệu thu được mang tính hồi cố và chiêm nghiệm (reflective).

**3. Kết quả nghiên cứu**

***3.1. Những khó khăn mà giáo sinh gặp phải trong quá trình thực tập sư phạm***

Như đã đề cập ở trên, để tìm hiểu các khó khăn mà giáo sinh thường gặp phải trong quá trình thực hiện KTSP-TTSP, chúng tôi đã tiến hành điều tra 23 cựu giáo sinh của 3 khóa liên tiếp từ các năm trở lại đây là SPK4, SPK8 và SPK9. Nội dung câu hỏi là: “*Bạn có gặp khó khăn trong quá trình thực tập sư phạm tại trường trung học phổ thông không?*”, với hai sự lựa chọn là “có” và “không”. Với sự lựa chọn là “không”, khách thể được định hướng không hoàn thành các câu hỏi còn lại. Với sự lựa chọn là “có”, khách thể được hướng dẫn trả lời các câu hỏi còn lại trong bảng hỏi. Mục đích của cách cấu trúc này của câu hỏi dẫn là nhằm sàng lọc phân loại khách thể và chỉ thu thập thông tin từ các khách thể gặp khó khăn khi thực tập sư phạm. Tuy nhiên với câu hỏi mở này, 100% cựu giáo sinh đều chọn câu trả lời “có”, khẳng định họ đều gặp khó khăn trong quá trình thực tập tại các trường phổ thông.

 Kết quả khảo sát về các khó khăn được phân tách ra hai nhóm: Các khó khăn trong công tác chủ nhiệm và các khó khăn trong công tác giảng dạy.

*Khó khăn trong công tác chủ nhiệm*

 Đối với công tác chủ nhiệm, những khó khăn cơ bản rơi vào 4 nhóm cơ bản sau: Khó khăn trong việc tìm hiểu cách thức hoạt động của trường phổ thông; Khó khăn trong triển khai hoạt động Đoàn và hoạt động ngoại khoá cho học sinh; Khó khăn trong xây dựng công tác chủ nhiệm hàng tuần; Khó khăn trong giao tiếp với học sinh phổ thông. Mức độ khó khăn phổ biến nhất rơi vào nội dung “giao tiếp với học sinh phổ thông và “triển khai hoạt động Đoàn và hoạt động ngoại khoá cho học sinh lớp chủ nhiệm” (Xem Sơ đồ 1).

 Dựa vào kết quả thu được liên quan đến công tác chủ nhiệm, có đến 44% trong số cựu sinh viên được hỏi thừa nhận mình gặp khó khăn trong công tác triển khai hoạt động Đoàn và tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho lớp mình chủ nhiệm. Và có đến gần một nửa số lượng khách thể (48%) thừa nhận họ gặp khó khăn trong việc tương tác, giao tiếp với các em học sinh. Bên cạnh đó, việc xây dựng kế hoạch chủ nhiệm hàng tuần và tìm hiểu cách thức hoạt động của nhà trường PT cũng là một trở ngại đối với một số giáo sinh (26% và 13%).

Sơ đồ 1: Các khó khăn trong hoạt động thực tập chủ nhiệm

Kết quả từ phỏng vấn sâu cho thấy đa số các giáo viên chưa có kinh nghiệm và chưa được chuẩn bị về mặt tâm lý cũng như kiến thức để có thể phát triển kỹ năng giao tiếp phù hợp, chừng mực và hiệu quả với lứa tuổi học sinh PT vốn chỉ nhỏ hơn giáo sinh từ 3-4 tuổi. Một số giáo sinh cho biết họ lúng túng ngay trong cách xưng hô, là “thầy/cô” hay “anh/chị” với học sinh phổ thông.

*Khó khăn trong công tác giảng dạy*

Kết quả từ việc phân tích số liệu khảo sát từ bảng hỏi cho thấy có 4 nhóm khó khăn cơ bản mà giáo sinh gặp phải khi thực hiện thực tập giảng dạy tại trường phổ thông. Các khó khăn này liên quan đến: Xây dựng giáo án; Triển khai hoạt động giảng dạy trực tiếp tại lớp; Giao tiếp với giáo viên hướng dẫn giảng dạy; Giao tiếp với học sinh trong quá trình giảng dạy (Xem Sơ đồ 2).

gì.芷﷽﷽﷽﷽﷽﷽﷽﷽﷽﷽﷽﷽﷽﷽﷽m quen với

Sơ đồ 2: Các khó khăn trong hoạt động thực tập giảng dạy

Theo kết quả điều tra thu được, có tới 70% cựu sinh viên được hỏi trả lời gặp khó khăn trong việc xây dựng giáo án. Tới 44% các em thừa nhận gặp trở ngại trong việc giảng dạy trên lớp học. Điều này đáng suy nghĩ vì đây là một trong những hoạt động chính quyết định chất lượng của công tác giảng dạy. Ngoài ra, nhiều sinh viên cảm thấy khó khăn trong giao tiếp với GV hướng dẫn giảng dạy. Để khắc phục được khó khăn này, giáo sinh cần tranh thủ nhiều thời gian hơn để tiếp xúc, chủ động làm quen, tìm hiểu có thể nắm bắt và bắt nhịp được với cách làm việc của Tổ chuyên môn và của GV hướng dẫn phụ trách mình. Giao tiếp, tương tác với học sinh cũng là một điều khiến không ít giáo sinh lo lắng trong quá trình giảng dạy. Như vậy, nhìn chung, các em gặp khó khăn trong việc tương tác, giao tiếp không chỉ với học sinh trong công tác chủ nhiệm và công tác giảng dạy mà còn với GV hướng dẫn mình. Điều này sẽ ảnh hưởng không ít đến tâm lý và kết quả của công tác TTSP của giáo sinh.

***3.2. Nguyên nhân của những khó khăn của giáo sinh trong quá trình thực tập sư phạm***

Từ những khó khăn của các cựu giáo sinh, chúng tôi tìm hiểu nguyên nhân khiến các em gặp nhiều trở ngại trong đợt thực tập. Theo nhận định và đánh giá của khách thể, có 8 nguyên nhân cơ bản như sau: Sự thiếu tương thích giữa kiến thức đã học ở trường đại học với thực tế thực tập ở trường PT; Việc sát nhập hoạt động kiến tập và thực tập sư phạm vào làm một học phần và một giai đoạn; Thiếu hụt kiến thức về vai trò chức năng của giáo viên chủ nhiệm; Thiếu hụt kiến thức về chương trình và sách giáo khoa ở trường phổ thông; Hạn chế trong kỹ năng quản lý, lãnh đạo; Bản tính nhút nhát thiếu tự tin, thiếu kiến thức mềm (bao gồm cả kỹ năng giao tiếp); các học phần tại trường đại học chú trọng nhiều đến lý thuyết hơn thực hành. (Xem Sơ đồ 3).

Số liệu cho thấy 44% giáo sinh tự nhận định bản tính rụt rè, ngại nói trước đám đông là một nguyên nhân gây trở ngại cho giáo sinh. Đây là nguyên nhân liên quan đến kỹ năng mềm (hay còn gọi là kỹ năng thực hành xã hội), bao gồm khả năng giao tiếp, kỹ năng làm việc với nhóm, kỹ năng quản lý thời gian, khả năng sáng tạo,… Nó đóng vai trò cực kỳ quan trọng, quyết định tới 75% sự thành công của một nhiệm vụ và được xem làm một trong 5 kỹ năng mềm quan trọng nhất mà một sinh viên cần có ([Holmes](http://www.usnews.com/topics/author/bradford_holmes), 2014). Kỹ năng này dường như càng đóng vai trò to lớn hơn đối với một sinh viên chuyên ngành sư phạm. Hạn chế trong kỹ năng này có thể xem là nguyên nhân góp phần gây trở ngại cho các giáo sinh trong việc tiếp xúc giao tiếp với học sinh chủ nhiệm (48%) và giao tiếp với học sinh mình phụ trách giảng dạy (17%). Hạn chế về kỹ năng tổ chức các hoạt động ngoại khóa, hoạt động Đoàn cũng gây khó khăn đối 44% giáo sinh.

Tuy nhiên, nguyên nhân được cựu giáo sinh chọn nhiều nhất là việc sát nhập 2 học phần KTSP và TTSP với tỉ lệ 70%. Việc gộp chung hai học phần này khiến giáo sinh có phần lung túng, không đủ làm quen với hoạt động của nhà trường PT, bao gồm hoạt động của nhà trường, của Tổ chuyên môn. Theo một số ý kiến thu được, giáo sinh thấy bỡ ngỡ, lạ lẫm hơn nhiều khi về trường PT so với các giáo sinh từ các trường khác về thực tập cùng đợt thì giáo sinh trường bạn được đi kiến tập sư phạm vào năm 3 nên có nhiều điều kiện để bổ sung kiến thức cũng như chuẩn bị một tâm thế sẵn sàng hơn trước khi bước vào giai đoạn thực hành. Có thể đây là nguyên nhân ít nhiều gây khó khăn cho việc tìm hiểu cách thức hoạt động của nhà trường PT (13%) và việc tìm hiểu, làm quen với cách làm việc của GV hướng dẫn (30%) cũng như làm cho giáo sinh lúng túng khi xây dựng kế hoach chủ nhiệm hàng tuần (26%) do không đủ thời gian để làm quen với công việc này.

Sơ đồ 3. Nguyên nhân của khó khăn giáo sinh gặp phải khi thực tập

Liên quan đến lựa chọn “nguyên nhân khác”, có ý kiến được cựu giáo sinh đưa ra là sự mất cân đối giữa kiến thức liên quan đến việc soạn giáo án 4 kỹ năng (Nghe- Nói-Đọc-Viết) và kiến thức soạn giáo án Ngữ pháp. Do ý kiến chiếm tỉ lệ phần trăm chưa đủ sức thuyết phục, chúng tôi đã tiến hành phỏng vấn một số cựu giáo sinh để tìm hiểu rõ hơn vấn đề này. Những giáo sinh này cho rằng các học phần chuyên ngành được học ở đại học thường chú trọng nhiều đến hướng dẫn cách dạy hoặc cách soạn giáo án các kỹ năng Nghe –Nói – Đọc –Viết hơn là cách dạy hoặc soạn giáo án đối với Ngữ Pháp. Trên thực tế giảng dạy tại trường PT, các em được yêu cầu soạn giáo án và lên lớp thực hành giảng Ngữ Pháp và tiếp đó là kỹ năng Đọc hiểu, rất hiếm khi các em được soạn và thực hành giảng kỹ năng Nghe và Nói. Qua việc khảo sát nhanh các sách giáo khoa Tiếng Pháp được sử dụng tại các trường THPT (ngoại trừ trường Quốc Học không nhận giáo sinh về thực tập) thì chúng tôi nhận thấy mỗi bài thường được chia làm các phần Đọc hiểu – Từ vựng – Ngữ Pháp – Nghe hiểu – Nói/Viết (Texte - Vocabulaire - Grammaire – Compréhension/Expression) đối với sách *Tiếng Pháp 9, 10, 11* và Đọc hiểu – Ngữ pháp – Đọc hiểu – Nói/Viết (Texte – On s’entraîne – À vous) đối với sách *ADO 1*. Tuy nhiên, các điểm Ngữ pháp và bài tập kèm theo chiếm tỉ lệ lớn. Bên cạnh đó, thực tế trong các giờ dạy tiếng Pháp, đặc biệt đối với các lớp sinh ngữ 2 (đối tượng chính để giáo sinh về thực tập giảng dạy), giáo viên ở trường PT cũng chỉ chú trọng dạy Ngữ Pháp và tiếp đến mới là Đọc hiểu theo phân bố trong sách giáo khoa. Vì thế, giáo sinh không có điều kiện để áp dụng nhiều kiến thức chuyên ngành được học tại đại học trong quá trình thực hành giảng dạy tại trường PT. Hai vấn đề này có lẽ vì vậy đã khiến 56% cựu giáo sinh cho rằng kiến thức chuyên ngành được học ở trường đại học không giống với thực tế giảng dạy tại trường PT (56%). Bên cạnh đó, 61% cựu giáo sinh cho rằng một trong những nguyên nhân gặp khó khăn cho các em trong quá trình thực tập sư phạm là do các học phần chuyên ngành được học chú trọng nhiều đến lý thuyết và số tiết dành cho thực hành không đủ.

**4. Kết luận và đề xuất**

Như vậy, từ kết quả khảo sát thu được, nghiên cứu đã chỉ ra rằng giáo sinh gặp phải nhiều trở ngại trong quá trình thực hành công tác chủ nhiệm lẫn công tác giảng dạy. Trong công tác chủ nhiệm, những vấn đề chính gây khó khăn cho giáo sinh là giáo tiếp với học sinh chủ nhiệm và triển khai các hoạt đọng Đoàn, các hoạt động ngoại khóa. Bên cạnh đó, những khó khăn như xây dựng giáo án, triển khai hoạt động trực tiếp tại lớp và giao tiếp với GV hướng dẫn giảng dạy đang gây trở ngại lớn cho giáo sinh trong công tác giảng dạy. Theo số liệu thu được từ khảo sát bằng bảng hỏi và phỏng vấn sâu, nghiên cứu cũng đã tìm ra những nguyên nhân dẫn đến các khó khăn nói trên. Đó là sự thiếu tương thích giữa kiến thức đã học ở trường đại học với thực tế thực tập ở trường PT, việc sát nhập hoạt động kiến tập và thực tập sư phạm vào làm một học phần và một giai đoạn, việc thiếu hụt kiến thức về vai trò chức năng của giáo viên chủ nhiệmvà về chương trình và sách giáo khoa ở trường phổ thông, sự hạn chế trong kỹ năng quản lý, lãnh đạo, bản tính nhút nhát thiếu tự tin, thiếu kiến thức mềm (bao gồm cả kỹ năng giao tiếp) và sự mất cân đối giữa hoạt động thực hành với lý thuyết trong các học phần chuyên môn.

Từ việc nghiên cứu số liệu từ kết quả điều tra và phỏng vấn, chúng tôi đưa ra một số đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả công tác chuẩn bị KT-TTSP dành cho sinh viên chuyên ngành sư phạm của khoa tiếng Pháp, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế.

***Đối với nhà trường***

Nhà trường nên tách KTSP và TTSP làm hai học phần riêng biệt sẽ càng đem lại hiệu quả cao cho công tác này. Cụ thể, học phần KTSP sẽ được tiến hành vào năm 3 và học phần TTSP sẽ được thực hiện vào năm 4 như năm 2010 trở về trước. Với cách bố trí này, sinh viên sẽ có nhiều thời gian hơn để tìm hiểu về cách thức hoạt động của trường PT, nhiệm vụ và chức năng của giáo viên chủ nhiệm; làm quen với cách giảng dạy cũng như làm việc lên lớp, cách soạn giáo án, tác phong làm việc, làm quan với thiết bị dạy học tại trường PT, nắm bắt các hoạt động Đoàn, hoạt động ngoại khóa,… Chính từ những khó khăn bất cập trong quá trình KTSP, các em sẽ tự trau dồi, tìm cách bổ sung những thiếu sót của bản thân cũng như chuẩn bị một tâm thế sẵn sàng, trang bị hành trang đầy đủ cho đợt TTSP sắp tới cũng như cho nghề nghiệp tương lai của mình sau này. Ngoài ra, với số tiết thực hành khiêm tốn trên lớp hiện nay, nhà trường có thể tạo điều kiện cho phép Khoa, Tổ chuyên môn mở các lớp phụ đạo về thực hành giảng tập để giáo viên có nhiều thời gian hơn giúp sinh viên thực hành nhiều hơn.

***Đối với Khoa và Tổ chuyên môn***

Khoa và Tổ cần tổ chức một cuộc gặp mặt giữa các giáo sinh vừa hoàn thành nhiệm vụ Thực tập sư phạm với các sinh viên khóa sau. Các giáo sinh sẽ có điều kiện để trao đổi kinh nghiệm mình có được giữa các trường PT khác nhau. Các sinh viên khóa sau sẽ tìm hiểu thêm về cách thức soạn giáo án, tác phong, giờ giấc, các hoạt động ngoại khóa, công tác chủ nhiệm,… Đây cũng là một trong các đề xuất được nhiều cựu giáo sinh đưa ra (56%). Hơn nữa, thông qua cuộc gặp gỡ này, các giáo viên của Tổ chuyên môn đến dự có thể nắm bắt nhiều hơn tình hình giảng dạy ở các trường PT để từ đó cập nhật thông tin, bổ sung, kịp thời điều chỉnh hoạt động dạy của mình.

Bên cạnh mời chuyên viên từ Sở Giáo dục về báo cáo trước mỗi đợt thực tập để sinh viên nắm tình hình giảng dạy tiếng Phápnói chung, Khoa có thể mời thêm 1 GV giảng dạy hoặc/và GV chủ nhiệm của trường PT đến báo cáo về cách thức xây dựng giáo án cụ thể, xây dựng kế hoạch chủ nhiệm hàng tuần, hoạt động sinh hoạt chuyên môn của tổ,…

Hạn chế về năng lực ngôn ngữ được xem là một trong những nguyên nhân chính khiến giáo sinh gặp nhiều khó khăn.Vì vậy, trang bị kiến thức chuyên ngành cho các em cần kết hợp chặt chẽ với hoạt động giảng dạy các môn Thực hành tiếng, hỗ trợ cho giáo sinh rèn luyện các kỹ năng mềm như kỹ năng nói trước đám đông, phát triển tư duy sáng tạo, rèn luyện kỹ năng giao tiếp, làm việc với nhóm,… thông qua các hoạt động trên lớp như thuyết trình trước lớp (exposé), thảo luận (débat), làm việc nhóm lớp, làm việc cá nhân,…

Bên cạnh việc cung cấp các kiến thức lý thuyết nền, các học phần chuyên ngành của Tổ nên chú trọng nhiều đến hoạt động thực hành của sinh viên, cần chú trọng hơn nữa đến phát triển các kỹ năng mềm liên quan đến giảng dạy như kỹ năng tương tác, giao tiếp với học sinh, kỹ năng giải quyết, xử lý các tình huống sư phạm, kỹ năng quản lý thời gian trong một tiết dạy,… đặc biệt trong học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.

Tổ cần chú trọng hơn nữa việc xây dựng soạn giáo án và giảng dạy 1 tiết lên lớp đối với Ngữ pháp, một công việc chính mà tất cả các giáo sinh phải hoàn thành trong quá trình công tác giảng dạy của mình tại trường PT nhưng lại là khó khăn của các em hiện nay. Trong quá trình giảng tập, việc tham gia vào quá trình đánh giá, tập nhận xét giờ dạy của bạn cũng sẽ giúp các em tự tin hơn khi về dự giờ và đánh giá việc lên lớp của GV hướng dẫn và của các bạn.

***Đối với sinh viên chuyên ngành sư phạm***

Trong hoạt động học, người học luôn đóng vai trò tiên quyết. Vì vậy, để quá trình đào tạo cử nhân sư phạm có hiệu quả, trước hết giáo sinh tương lai cần ý thức tầm quan trọng của kiến thức ngôn ngữ trong quá trình kiến tập, thực tập sư phạm nói riêng và trong công việc giảng dạy trong tương lai nói chung từ đó không ngừng trau dồi vốn ngoại ngữ, không ngừng nâng cao năng lực ngôn ngữ của bản thân.

Sinh viên cần tự rèn luyện, tham gia tích cực vào các hoạt động thực hành và các hoạt động ngoại khóa để hình thành các kỹ năng mềm, rèn dũa để tự tin hơn trong giao tiếp, linh hoạt trong việc xử lý các tình huống sư phạm và tình huống giao tiếp chuyên môn. Bên cạnh đó, giáo sinh tương lai cần chủ động tham khảo, học hỏi thêm kinh nghiệm từ các giáo sinh khóa trước, chủ động tìm hiểu trước về các đặc điểm, chức năng nhiệm vụ của trường PT, nhiệm vụ của GV chủ nhiệm,… để trang bị đầy đủ kiến thức cần thiết cho quá trình thực hành sư phạm.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

[1]. Nguyễn Hữu Thọ, Nguyễn Văn Mạnh, Trần Thế Hùng, Nguyễn Văn Bích (2006). *Tieng Phap 9*, NXB Giáo Dục, Hà Nội.

[2]. Nguyễn Văn Mạnh, Nguyễn Văn Bích, Đào Thế Lân (2006). *Tieng Phap 10*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[3]. [Nguyễn Văn Mạnh](http://www.classbook.vn/by_creator?creator=Nguy%E1%BB%85n%20V%C4%83n%20M%E1%BA%A1nh), [Nguyễn Văn Bích](http://www.classbook.vn/by_creator?creator=Nguy%E1%BB%85n%20V%C4%83n%20B%C3%ADch), [Nguyễn Thế Công](http://www.classbook.vn/by_creator?creator=Nguy%E1%BB%85n%20Th%E1%BA%BF%20C%C3%B4ng), [Nguyễn Hữu Hải](http://www.classbook.vn/by_creator?creator=Nguy%E1%BB%85n%20H%E1%BB%AFu%20H%E1%BA%A3i), [Nguyễn Quang Thuấn](http://www.classbook.vn/by_creator?creator=Nguy%E1%BB%85n%20Quang%20Thu%E1%BA%A5n) (2008). *Tieng Phap 11*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[4]. Monnerie-Goarin A., Dayez Y., Siréjols E., Le Dreff V. (1999). *ADO 1*, CLE International & NXB Giáo dục, Hà Nội.

[5]. Patrice Pelpel (2001). *Apprendre et faire – Vers une épistémologie de la pratique,* L’Harmattan, Paris.

#  [6]. [Bradford Holmes](http://www.usnews.com/topics/author/bradford_holmes) (2014). *The top 5 soft skills every college student needs,* <http://www.usnews.com/education/blogs/college-admissions-playbook/2014/05/12/hone-the-top5-soft-skills-every-college-student-needs>, truy cập ngày 22/5/2016.

# [7]. Christine Léonard (2001). *Le stage professionnel: enjeux et rôles des partenaires*, <http://www.portailrh.org/votre_emploi/fiche_lapresse.aspx?f=10926>, truy cập ngày 20/5/2016.

 [8]. Nicole Escourrou (2008). *Le stage: lien privilégié entre formation et emploi*, <https://halshs.archivesouvertes.fr/file/index/docid/494995/filename/Escourrou_Le_stage_lien_privilegie_entre_formation_et_emploi.pdf>, truy cập ngày20/5/2016

 [9]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Quyết định số 36/2003/QĐ-BGDĐT (2003)*, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ký ngày 01 tháng 8 năm 2003.

**Title:** DIFFICULTIES FRENCH-MAJORED TEACHER STUDENTS FACE DURING TEACHING PRACTICUM

# Abstract: *Teaching practicum is the practical component in teacher training curricula, which helps teacher students to practise teaching and apply what they have learnt in theory-based courses into real teaching contexts at high schools. This is meant to reinforce the teaching knowledge and skills and to develop their passion for teaching. This study investigates problems and difficulties Hue University of Foreign Languages French-majored teacher students encountered during their teaching practicum. On the basis of questionnaire and interview data, the study has shown teacher students’ common problems and the underlying reasons. The article then presents practical suggestions for improving the effect of teaching practicum.*

**Keywords**: Teaching practicum, French

# Thông tin tác giả: Phạm Thị Tuyết Nhung có bằng thạc sĩ ngành Lý luận và Giảng dạy tiếng Pháp, là giảng viên của khoa tiếng Pháp của trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế. Hướng nghiên cứu quan tâm bao gồm Phương pháp giảng dạy và ngôn ngữ học ứng dụng.

PHẠM THỊ TUYẾT NHUNG

Đơn vị công tác: Khoa Tiếng Pháp- trường Đại học Ngoại ngữ Huế - Đại Học Huế

ĐT: 0914.156.133, Email: nhungpham2481@gmail.com